

TỔNG CÔNG TY
CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM-CTCP
CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ
TÂN SƠN NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 4425/QĐ-CHKQTTSN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt kế hoạch lựa chọn đối tác hợp tác khai thác hạng mục
“Cung cấp trụ sọc pin miễn phí phục vụ hành khách và khai thác vị trí
quảng cáo trên trụ sọc pin tại nhà ga hành khách T3
– Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất”

GIÁM ĐỐC CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ TÂN SƠN NHẤT

Căn cứ Quyết định số 448/QĐ-HĐQT ngày 27/9/2024 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP về việc ban hành Quy chế quản lý và tổ chức hoạt động kinh doanh, khai thác dịch vụ phi hàng không của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Quyết định số 551/QĐ-HĐQT ngày 08/11/2024 của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP về việc phê duyệt quy hoạch mặt bằng quảng cáo tại Nhà ga hành khách T3 – Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất;

Căn cứ Quyết định số 324/QĐ-HĐQT ngày 30/06/2025 của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP về việc phê duyệt quy hoạch mặt bằng quảng cáo điều chỉnh, bổ sung tại Nhà ga hành khách T3 – Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất;

Căn cứ Công văn số 3288/TCTCHKVN-KDPTTT ngày 18/07/2025 của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam về việc thông qua phê duyệt phương án hợp tác khai thác dịch vụ tiện ích sọc pin miễn phí phục vụ hành khách tại Nhà ga hành khách T3 theo Nghị quyết số 359/NQ-HĐQT ngày 15/07/2025 của Hội đồng quản trị;

Căn cứ Quyết định số 4018/QĐ-CHKQTTSN ngày 24/07/2025 của Giám đốc Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất về việc kiện toàn nhân sự Tổ chuyên gia lựa chọn đơn vị hợp tác khai thác, thuê mặt bằng - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất;

Căn cứ Quyết định số 5626/QĐ-CHKQTTSN ngày 18/12/2024 của Giám đốc Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất về việc kiện toàn nhân sự Tổ thẩm định lựa chọn đơn vị hợp tác kinh doanh, hợp tác khai thác, thuê mặt bằng, thuê mặt bằng/vị trí quảng cáo - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất;



Căn cứ Tờ trình số 1-1/TTr-TCG ngày 24/07/2025 về việc Trình duyệt kế hoạch lựa chọn đối tác hạng mục “Cung cấp trụ sọc pin miễn phí phục vụ hành khách và khai thác vị trí quảng cáo trên trụ sọc pin tại nhà ga hành khách T3 – Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất”,

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 2-1/BC-TTĐ ngày 25/07/2025 của Tổ thẩm định về việc Báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn đối tác hạng mục “Cung cấp trụ sọc pin miễn phí phục vụ hành khách và khai thác vị trí quảng cáo trên trụ sọc pin tại nhà ga hành khách T3 – Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất”.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt kế hoạch lựa chọn đối tác hợp tác khai thác hạng mục “Cung cấp trụ sọc pin miễn phí phục vụ hành khách và khai thác vị trí quảng cáo trên trụ sọc pin tại nhà ga hành khách T3 – Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất” với nội dung sau:

- Tên hạng mục:** Cung cấp trụ sọc pin miễn phí phục vụ hành khách và khai thác vị trí quảng cáo trên trụ sọc pin tại nhà ga hành khách T3 – Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất.
- Bên mời hợp tác:** Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất - Chi nhánh Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.
- Thông tin về quy mô, vị trí mặt bằng trụ sọc pin** (chi tiết bản vẽ vị trí đính kèm)

3.1 Khu vực sảnh làm thủ tục cho hành khách

Stt	Mã vị trí	SL cây sọc pin (cái)	SL ổ cắm sọc pin (cái)	Màn hình quảng cáo trên trụ sọc pin			
				SL (cái)	Mặt	Kích thước	Diện tích (m ²)
1	DDC01	1	6	1	1	1,5 x 3,5 x 1 mặt	5,25
2	DDC02	1	4	1	1	1,5 x 3 x 1 mặt	4,50
3	DDC03	1	8	1	2	1,5 x 4,5 x 2 mặt	13,50
4	DDC04	1	8	1	2	1,5 x 4,5 x 2 mặt	13,50
5	DDC05	1	8	1	2	1,5 x 4,5 x 2 mặt	13,50
6	DDC06	1	8	1	2	1,5 x 4,5 x 2 mặt	13,50
7	DDC07	1	6	1	2	1,5 x 3,5 x 2 mặt	10,50
8	DDC08	1	6	1	2	1,5 x 3,5 x 2 mặt	10,50
9	DDC23	1	14	1	2	1,5 x 4,5 x 1 mặt 1,5 x 3,5 x 1 mặt	12,00
10	DDC24	1	4	1	1	1,25 x 2,5 x 1 mặt	3,13
11	DDC25	1	4	1	2	1,25 x 3 x 2 mặt	7,50
12	DDC26	1	4	1	2	1,25 x 3 x 2 mặt	7,50
13	DDC27	1	6	1	2	1,5 x 3,5 x 2 mặt	10,50

Stt	Mã vị trí	SL cây sặc pin (cái)	SL ổ cắm sặc pin (cái)	Màn hình quảng cáo trên trụ sặc pin			
				SL (cái)	Mặt	Kích thước	Diện tích (m ²)
14	DDC28	1	6	1	2	1,5 x 3,5 x 2 mặt	10,50
15	DDC29	1	6	1	2	1,5 x 3,5 x 2 mặt	10,50
16	DDC30	1	4	1	2	1,25 x 3 x 2 mặt	7,50
17	DDC31	1	4	1	2	1,25 x 3 x 2 mặt	7,50
18	DDC32	1	4	1	2	1,25 x 2,5 x 2 mặt	6,25
	Tổng cộng	18	110		33		167,63

➤ Thông số kỹ thuật, hình ảnh của trụ sặc pin theo **Phụ lục chi tiết** đính kèm.

3.2 Khu vực cách ly ga đi tầng 3

Stt	Mã vị trí	SL cây sặc pin (cái)	SL ổ cắm sặc pin (cái)	Màn hình quảng cáo trên trụ sặc pin			
				SL (cái)	Mặt	Kích thước	Diện tích (m ²)
1	DDQ12	1	6	1	2	1,2 x 2 x 2 mặt	4,80
2	DDQ13	1	6	1	2	1,2 x 2 x 2 mặt	4,80
3	DDQ14	1	6	1	2	1,2 x 2 x 2 mặt	4,80
4	DDQ15	1	6	1	2	1,2 x 2 x 2 mặt	4,80
5	DDQ16	1	6	1	2	1,2 x 2 x 2 mặt	4,80
6	DDQ17	1	6	1	2	1,2 x 2 x 2 mặt	4,80
7	DDQ18	1	6	1	2	1,2 x 2 x 2 mặt	4,80
8	DDQ19	1	6	1	2	1,2 x 2 x 2 mặt	4,80
	Tổng cộng	8	48		16		38,40

➤ Thông số kỹ thuật, hình ảnh của trụ sặc pin theo **Phụ lục chi tiết** đính kèm

3.3 Khu vực cách ly ga đến đầu băng chuyền số 1 đến số 10

Stt	Mã vị trí	SL cây sặc pin (cái)	SL ổ cắm sặc pin (cái)	Màn hình quảng cáo trên trụ sặc pin			
				SL (cái)	Mặt	Kích thước	Diện tích (m ²)
1	DAQ20	1	4	1	1	1,25 x 2,75 x 1 mặt	3,44
2	DAQ21	1	4	1	1	1,25 x 2,75 x 1 mặt	3,44
3	DAQ22	1	4	1	1	1,25 x 2,75 x 1 mặt	3,44
4	DAQ23	1	4	1	1	1,25 x 2,75 x 1 mặt	3,44
5	DAQ24	1	4	1	1	1,25 x 2,75 x 1 mặt	3,44
6	DAQ25	1	4	1	1	1,25 x 2,75 x 1 mặt	3,44
7	DAQ26	1	4	1	1	1,25 x 2,75 x 1 mặt	3,44
8	DAQ27	1	4	1	1	1,25 x 2,75 x 1 mặt	3,44

Stt	Mã vị trí	SL cây sạc pin (cái)	SL ổ cắm sạc pin (cái)	Màn hình quảng cáo trên trụ sạc pin			
				SL (cái)	Mặt	Kích thước	Diện tích (m ²)
9	DAQ28	1	4	1	1	1,25 x 2,75 x 1 mặt	3,44
10	DAQ29	1	4	1	1	1,25 x 2,75 x 1 mặt	3,44
11	DAQ30	1	4	1	1	1,25 x 2,75 x 1 mặt	3,44
12	DAQ31	1	4	1	1	1,25 x 2,75 x 1 mặt	3,44
13	DAQ42	1	4	1	1	1,25 x 2,75 x 1 mặt	3,44
	Tổng cộng	13	52		13		44,72

➤ Thông số kỹ thuật, hình ảnh của trụ sạc pin theo **Phụ lục chi tiết** đính kèm

4. Phương án hợp tác khai thác

a. Đối tác

- Đối tác đầu tư và cung cấp cho Cảng 39 (ba mươi chín) trụ sạc pin miễn phí phục vụ hành khách và khai thác vị trí quảng cáo trên trụ sạc pin tại nhà ga hành khách T3 – Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất.
- Đối tác được khai thác 80% thời lượng quảng cáo.

b. Cảng

- Được khai thác 20% thời lượng khai thác trên trụ sạc pin (theo nội dung nêu tại Mục 6 dưới đây).

5. Thời gian hợp tác khai thác

05 (năm) năm kể từ ngày hai bên ký Biên bản nghiệm thu đưa trụ sạc pin vào khai thác.

a. Trách nhiệm và quyền hạn

- Bằng chi phí của mình, đối tác đầu tư cơ sở vật chất và vận hành trên trụ sạc pin, bao gồm các công việc: thiết kế, xây dựng, thi công, lắp đặt trang thiết bị; vận hành, khai thác; cải tạo, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng trụ sạc pin để cung cấp dịch vụ theo tiêu chuẩn qui định. Chủ động tìm kiếm nguồn khách hàng thuê quảng cáo đồng thời quảng bá cho hình ảnh của ACV, giới thiệu về Cảng HKQT Tân Sơn Nhất;
- Đối tác được quyền kinh doanh quảng cáo trên toàn bộ 39 trụ sạc pin do đối tác cung cấp và được hưởng toàn bộ doanh thu từ việc kinh doanh vị trí quảng cáo với bên thứ 3 trong thời hạn **03 (ba) năm** kể từ ngày nghiệm thu đưa trụ sạc pin vào khai thác.
- Toàn bộ thiết bị do đối tác đầu tư được chuyển quyền sở hữu tài sản vô điều kiện cho Cảng quản lý khai thác sau khi hết hạn hợp đồng.

b. Lợi ích hợp tác

b. Lợi ích hợp tác

Phương án phân chia: phân chia theo doanh thu

$$A = D \times t$$

Trong đó:

A : Mức lợi ích Cảng được hưởng hàng tháng (chưa bao gồm thuế GTGT).

D : Doanh thu thực tế phát sinh từ hoạt động hợp tác khai thác (chưa bao gồm thuế GTGT).

t : Tỷ lệ phân chia (tỷ lệ %).

- Từ năm thứ 1 đến năm thứ 3: Mức lợi ích Cảng được hưởng hàng tháng (A) = 0 (không)
- Từ năm thứ 4:

Tỷ lệ phân chia (%)	Lợi ích hợp tác tối thiểu Cảng được phân chia hàng tháng ($A_{\min}$) (VND/tháng)
15%	209.125.066

- Chi tiết mức lợi ích hợp tác tối thiểu Cảng được phân chia hàng tháng các trụ sạc pin theo **Bảng kê** đính kèm;
- Lợi ích từ việc hợp tác khai thác Cảng được phân chia hàng tháng chưa bao gồm thuế GTGT, thiết kế, xây dựng, thi công, lắp đặt trang thiết bị; vận hành, khai thác; cải tạo, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng trụ sạc pin; internet và các chi phí khác (nếu có);
- Lợi ích hợp tác Cảng được phân chia hàng tháng không thấp hơn mức lợi ích hợp tác tối thiểu quy định. Nếu lợi ích hợp tác thực tế (A) không đạt mức tối thiểu ($A_{\min}$) thì đối tác sẽ phải trả thêm phần chênh lệch ($A_{\min} - A$) để đảm bảo lợi ích hợp tác tối thiểu Cảng được hưởng ($A_{\min}$).

c. Các chi phí phát sinh

Đối tác phải thanh toán cho Cảng các chi phí phát sinh, cụ thể:

- Chi phí internet và các chi phí khác (nếu có): thanh toán 100%.
- Chi phí sử dụng điện trên toàn bộ các trụ sạc pin trong suốt quá trình hợp tác khai thác: thanh toán 80%.

6. Phương án vận hành khai thác

- Thời gian vận hành: tối thiểu 22 giờ/ngày – Từ 03:00 sáng đến 01:00 sáng ngày tiếp theo.

- Đối tác được khai thác 80% thời lượng quảng cáo;
 - Cảng được khai thác 20% thời lượng khai thác sử dụng cho các mục đích sau:
 - Tuyên truyền các sự kiện trọng đại của Nhà nước, Thành phố, Bộ công an;
 - Các chương trình truyền thông của ACV và Cảng;
 - Chào mừng lễ Tết và các ngày kỷ niệm;
 - Chỉ dẫn hành khách;
 - Clip trang trí 3D phong cảnh, danh lam thắng cảnh.
 - Cấu hình vận hành:
 - Tổng số slot mỗi vòng lặp: 9 slot
 - Thời lượng mỗi slot: 30 giây
 - Tổng thời gian 1 vòng lặp: 270 giây (4,5 phút)
 - Thời lượng vận hành mỗi ngày: 22 giờ ~ 293 vòng lặp
 - Nguyên tắc cài đặt nội dung:
 - Nội dung quảng cáo và tuyên truyền xen kẽ linh hoạt
 - Không yêu cầu đúng thứ tự, miễn đảm bảo tổng 270s/vòng
 - Ưu tiên thời gian phát sóng cho nội dung khẩn cấp theo chỉ đạo từ ACV
 - Đơn vị hợp tác khai thác hỗ trợ miễn phí cung cấp nội dung 3D, clip, hình ảnh theo yêu cầu của ACV và Cảng.
7. **Hình thức lựa chọn đối tác:** lựa chọn trực tiếp.
8. **Đơn vị đề xuất hợp tác khai thác:**
- ❖ Công ty TNHH Mặt Trời Vàng
- Địa chỉ: Tầng 19, tòa nhà Keangnam, Phạm Hùng, Phường Yên Hoà, TP. Hà Nội
9. **Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn đối tác:** tháng 07/2025.
10. **Loại hợp đồng:** Hợp đồng hợp tác khai thác.

Điều 2: Tổ chức thực hiện

Đơn vị thực hiện: Phòng Kinh doanh phối hợp phòng Tài chính – Kế toán, Trung tâm Khai thác ga Tân Sơn Nhất, phòng An toàn - Kiểm soát chất lượng thực hiện.

Điều 3: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định, các Ông/Bà thủ trưởng phòng Kinh doanh, phòng Tài chính - Kế toán, Trung tâm Khai thác ga Tân Sơn Nhất, Phòng An toàn - Kiểm soát chất lượng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ nội dung trên triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng trình tự, thủ tục và quy định hiện hành của Nhà nước, Tổng công ty cảng hàng không Việt Nam - CTCP./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, KD.

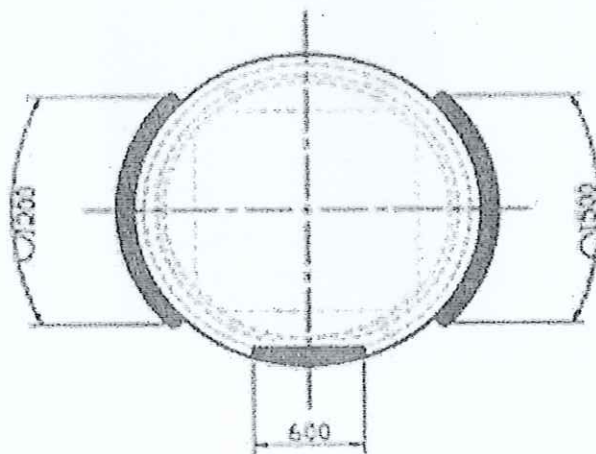
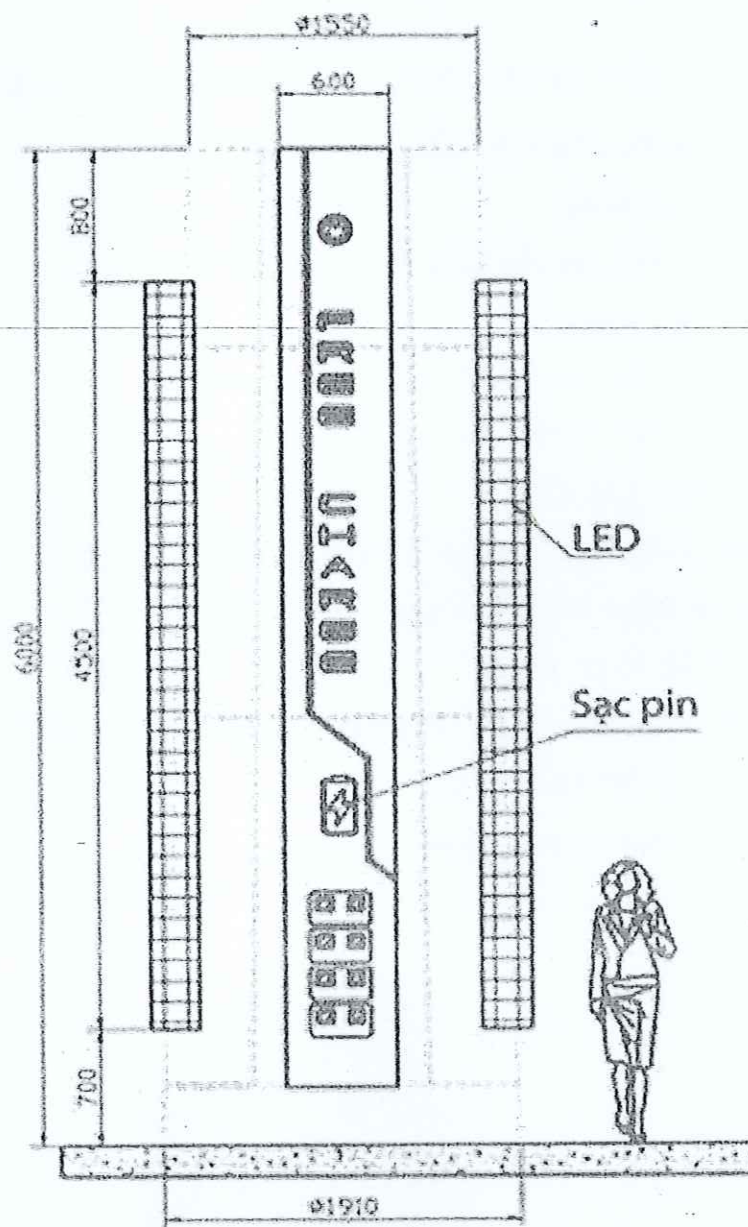
GIÁM ĐỐC



Đặng Ngọc Cương

BẢNG KÊ CHI TIẾT
DOANH THU, MỨC LỢI ÍCH TỐI THIỂU, TỈ LỆ HỢP TÁC TỪ NĂM THỨ 4

TT	Mã vị trí	Diễn giải vị trí	Hình thức QC	Kích thước (Cao x Rộng) (m)	Số lượng màn hình Led/LCD		Diện tích (m2)	Đơn vị tính	Tỉ lệ phân chia (%)	Lợi ích tối thiểu Cần được hưởng (VND/tháng)
					Mặt	Vị trí				
1	DDC01	Sảnh làm thủ tục cho hành khách	Màn hình LED kết hợp sạc pin	1,5 x 3,5 x 1	1	1	5,25	m2	15%	1.127.181
2	DDC02	Sảnh làm thủ tục cho hành khách	Màn hình LED kết hợp sạc pin	1,5 x 3 x 1	1	1	4,50	m2	15%	966.155
3	DDC03	Sảnh làm thủ tục cho hành khách	Màn hình LED kết hợp sạc pin	1,5 x 4,5 x 2	2	1	13,50	m2	15%	2.898.464
4	DDC04	Sảnh làm thủ tục cho hành khách	Màn hình LED kết hợp sạc pin	1,5 x 4,5 x 2	2	1	13,50	m2	15%	2.898.464
5	DDC05	Sảnh làm thủ tục cho hành khách	Màn hình LED kết hợp sạc pin	1,5 x 4,5 x 2	2	1	13,50	m2	15%	2.898.464
6	DDC06	Sảnh làm thủ tục cho hành khách	Màn hình LED kết hợp sạc pin	1,5 x 4,5 x 2	2	1	13,50	m2	15%	2.898.464
7	DDC07	Sảnh làm thủ tục cho hành khách	Màn hình LED kết hợp sạc pin	1,5 x 3,5 x 2	2	1	10,50	m2	15%	2.254.361
8	DDC08	Sảnh làm thủ tục cho hành khách	Màn hình LED kết hợp sạc pin	1,5 x 3,5 x 2	2	1	10,50	m2	15%	2.254.361
9	DDC23	Sảnh làm thủ tục cho hành khách	Màn hình LED kết hợp sạc pin	1,5 x 4,5 x 1	2	1	12,00	m2	15%	2.576.413
10	DDC24	Sảnh làm thủ tục cho hành khách	Màn hình LED kết hợp sạc pin	1,25 x 2,5 x 1	1	1	3,13	m2	15%	670.941
11	DDC25	Sảnh làm thủ tục cho hành khách	Màn hình LED kết hợp sạc pin	1,25 x 3 x 2	2	1	7,50	m2	15%	1.610.258
12	DDC26	Sảnh làm thủ tục cho hành khách	Màn hình LED kết hợp sạc pin	1,25 x 3 x 2	2	1	7,50	m2	15%	1.610.258
13	DDC27	Sảnh làm thủ tục cho hành khách	Màn hình LED kết hợp sạc pin	1,5 x 3,5 x 2	2	1	10,50	m2	15%	2.254.361
14	DDC28	Sảnh làm thủ tục cho hành khách	Màn hình LED kết hợp sạc pin	1,5 x 3,5 x 2	2	1	10,50	m2	15%	2.254.361
15	DDC29	Sảnh làm thủ tục cho hành khách	Màn hình LED kết hợp sạc pin	1,5 x 3,5 x 2	2	1	10,50	m2	15%	2.254.361
16	DDC30	Sảnh làm thủ tục cho hành khách	Màn hình LED kết hợp sạc pin	1,25 x 3 x 2	2	1	7,50	m2	15%	1.610.258
17	DDC31	Sảnh làm thủ tục cho hành khách	Màn hình LED kết hợp sạc pin	1,25 x 3 x 2	2	1	7,50	m2	15%	1.610.258
18	DDC32	Sảnh làm thủ tục cho hành khách	Màn hình LED kết hợp sạc pin	1,25 x 2,5 x 2	2	1	6,25	m2	15%	1.341.882
19	DDQ12	Khu vực cách ly ga đi tầng 3	Màn hình LCD 86" kết hợp sạc pin	1,2 x 2 x 2	2	1	4,80	màn hình	15%	1.030.565
20	DDQ13	Khu vực cách ly ga đi tầng 3	Màn hình LCD 86" kết hợp sạc pin	1,2 x 2 x 2	2	1	4,80	màn hình	15%	1.030.565
21	DDQ14	Khu vực cách ly ga đi tầng 3	Màn hình LCD 86" kết hợp sạc pin	1,2 x 2 x 2	2	1	4,80	màn hình	15%	1.030.565
22	DDQ15	Khu vực cách ly ga đi tầng 3	Màn hình LCD 86" kết hợp sạc pin	1,2 x 2 x 2	2	1	4,80	màn hình	15%	1.030.565
23	DDQ16	Khu vực cách ly ga đi tầng 3	Màn hình LCD 86" kết hợp sạc pin	1,2 x 2 x 2	2	1	4,80	màn hình	15%	1.030.565
24	DDQ17	Khu vực cách ly ga đi tầng 3	Màn hình LCD 86" kết hợp sạc pin	1,2 x 2 x 2	2	1	4,80	màn hình	15%	1.030.565
25	DDQ18	Khu vực cách ly ga đi tầng 3	Màn hình LCD 86" kết hợp sạc pin	1,2 x 2 x 2	2	1	4,80	màn hình	15%	1.030.565
26	DDQ19	Khu vực cách ly ga đi tầng 3	Màn hình LCD 86" kết hợp sạc pin	1,2 x 2 x 2	2	1	4,80	màn hình	15%	1.030.565
27	DAQ20	Khu vực cách ly ga đến, đầu bảng chuyển số 1	Màn hình LED kết hợp sạc pin	1,25 x 2,75 x 1	1	1	3,44	m2	15%	12.683.945
28	DAQ21	Khu vực cách ly ga đến, đầu bảng chuyển số 2 đến số 9	Màn hình LED kết hợp sạc pin	1,25 x 2,75 x 1	1	1	3,44	m2	15%	12.683.945
29	DAQ22	Khu vực cách ly ga đến, đầu bảng chuyển số 2 đến số 9	Màn hình LED kết hợp sạc pin	1,25 x 2,75 x 1	1	1	3,44	m2	15%	12.683.945
30	DAQ23	Khu vực cách ly ga đến, đầu bảng chuyển số 2 đến số 9	Màn hình LED kết hợp sạc pin	1,25 x 2,75 x 1	1	1	3,44	m2	15%	12.683.945
31	DAQ24	Khu vực cách ly ga đến, đầu bảng chuyển số 2 đến số 9	Màn hình LED kết hợp sạc pin	1,25 x 2,75 x 1	1	1	3,44	m2	15%	12.683.945
32	DAQ25	Khu vực cách ly ga đến, đầu bảng chuyển số 2 đến số 9	Màn hình LED kết hợp sạc pin	1,25 x 2,75 x 1	1	1	3,44	m2	15%	12.683.945
33	DAQ26	Khu vực cách ly ga đến, đầu bảng chuyển số 10	Màn hình LED kết hợp sạc pin	1,25 x 2,75 x 1	1	1	3,44	m2	15%	12.683.945
34	DAQ27	Khu vực cách ly ga đến, đầu bảng chuyển số 2 đến số 9	Màn hình LED kết hợp sạc pin	1,25 x 2,75 x 1	1	1	3,44	m2	15%	12.683.945
35	DAQ28	Khu vực cách ly ga đến, đầu bảng chuyển số 2 đến số 9	Màn hình LED kết hợp sạc pin	1,25 x 2,75 x 1	1	1	3,44	m2	15%	12.683.945
36	DAQ29	Khu vực cách ly ga đến, đầu bảng chuyển số 2 đến số 9	Màn hình LED kết hợp sạc pin	1,25 x 2,75 x 1	1	1	3,44	m2	15%	12.683.945
37	DAQ30	Khu vực cách ly ga đến, đầu bảng chuyển số 2 đến số 9	Màn hình LED kết hợp sạc pin	1,25 x 2,75 x 1	1	1	3,44	m2	15%	12.683.945
38	DAQ31	Khu vực cách ly ga đến, đầu bảng chuyển số 1	Màn hình LED kết hợp sạc pin	1,25 x 2,75 x 1	1	1	3,44	m2	15%	12.683.945
39	DAQ42	Khu vực cách ly ga đến, đầu bảng chuyển số 10	Màn hình LED kết hợp sạc pin	1,25 x 2,75 x 1	1	1	3,44	m2	15%	12.683.945
Tổng							249,71			209.125.066



PHỤ LỤC

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÌNH ẢNH, THÔNG SỐ KỸ THUẬT TRỤ SẠC PIN

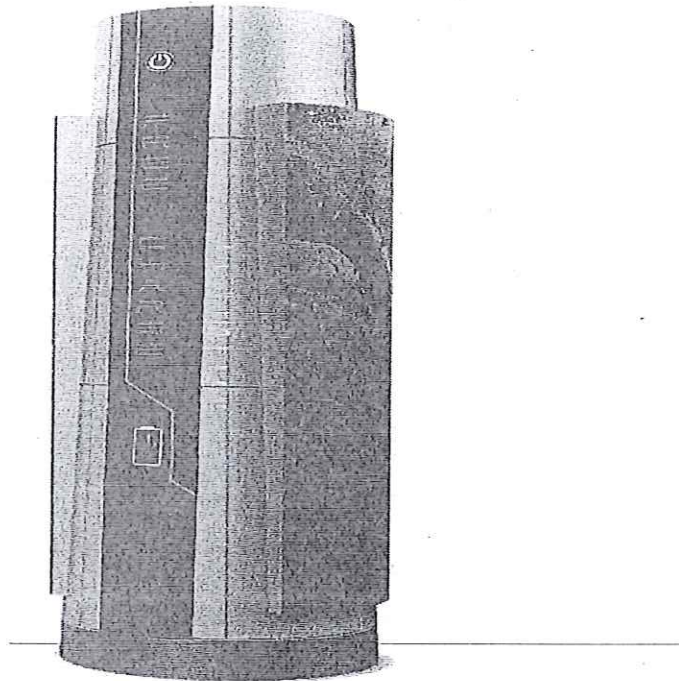
1. Khu vực sảnh làm thủ tục cho hành khách

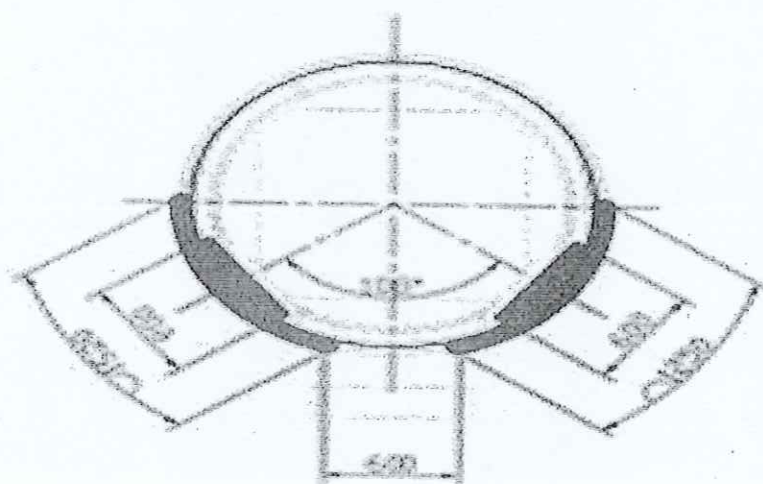
a. Thông số kỹ thuật

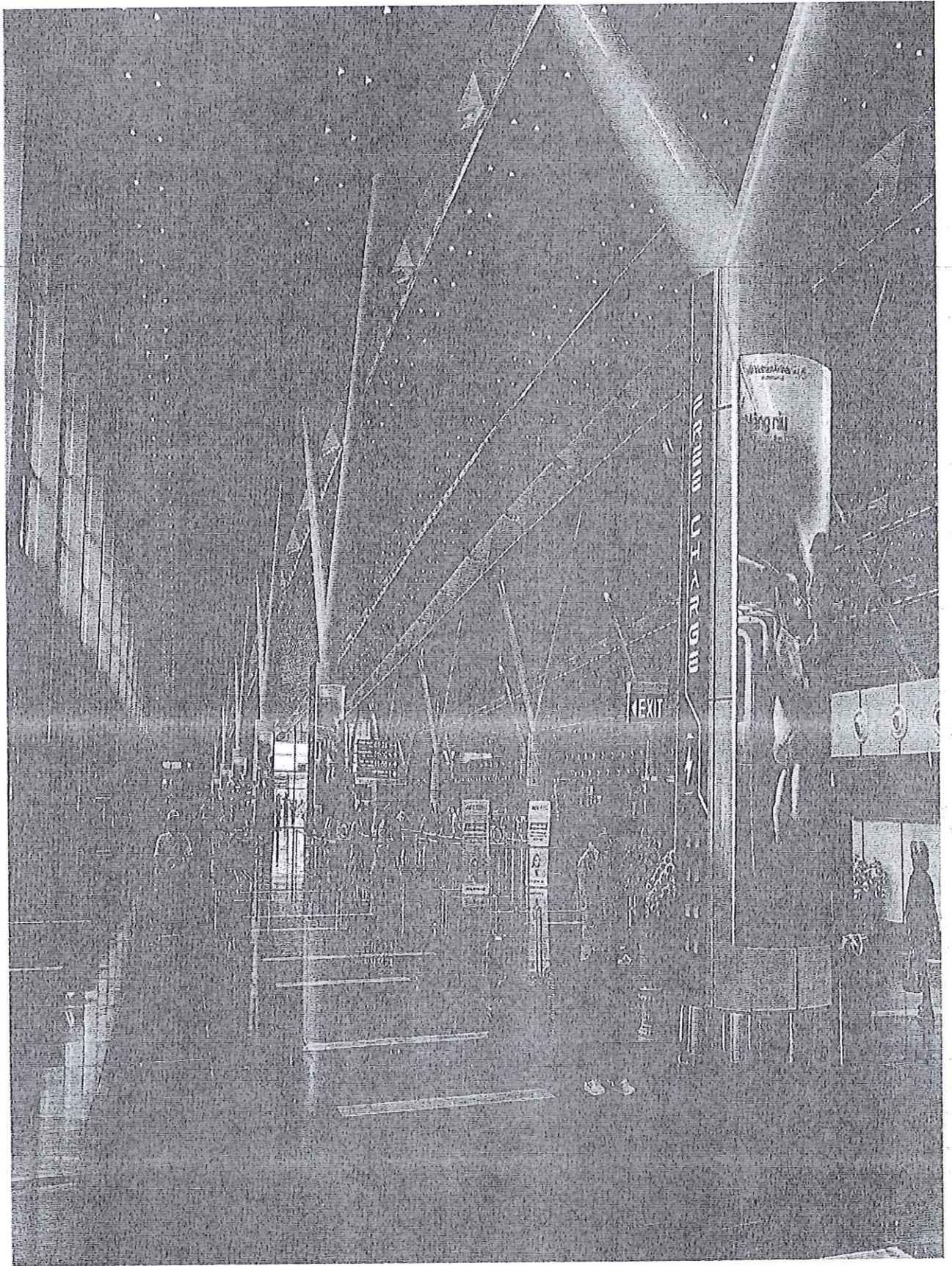
- Loại hình: Trụ sạc pin kèm màn hình LED quảng cáo
- Thông số kỹ thuật:

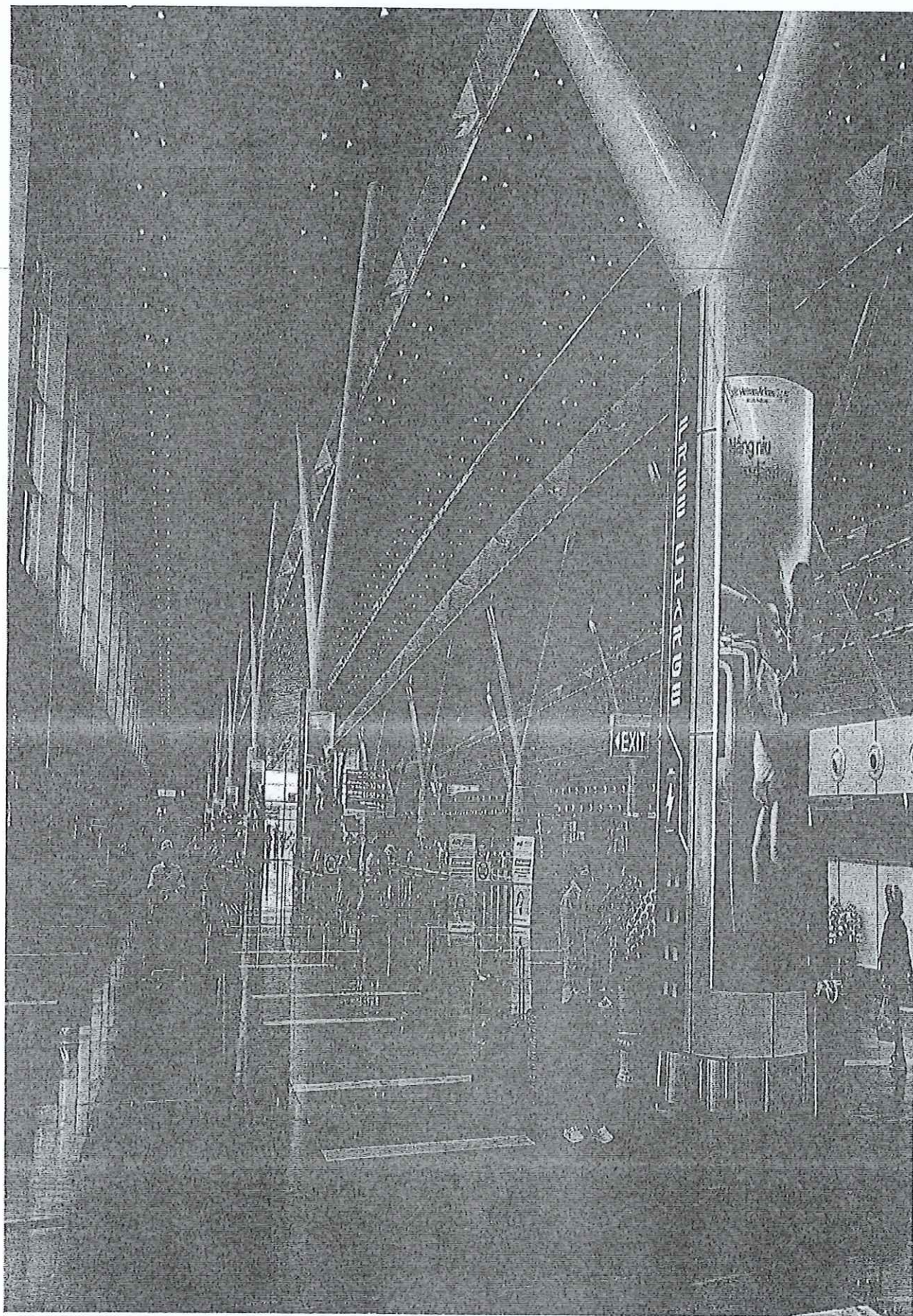
 - Màn hình LED Indoor, P2.5/P3.0 full color
 - Độ sáng: 1000–1500 nits
 - Tần số quét: $\geq 3840\text{Hz}$
 - Kết cấu trụ đứng, cổng sạc USB-A/C, sơn tĩnh điện
 - Công suất điện: $300\text{W}/\text{m}^2/\text{giờ}$
 - Độ dày màn hình: 10cm
 - Vật liệu: màn hình LED, khung sắt bọc alu, khung sạc bằng Agrilic
 - Chiều cao ổ cắm sạc: 0,7m

b. Hình ảnh demo trụ sạc pin







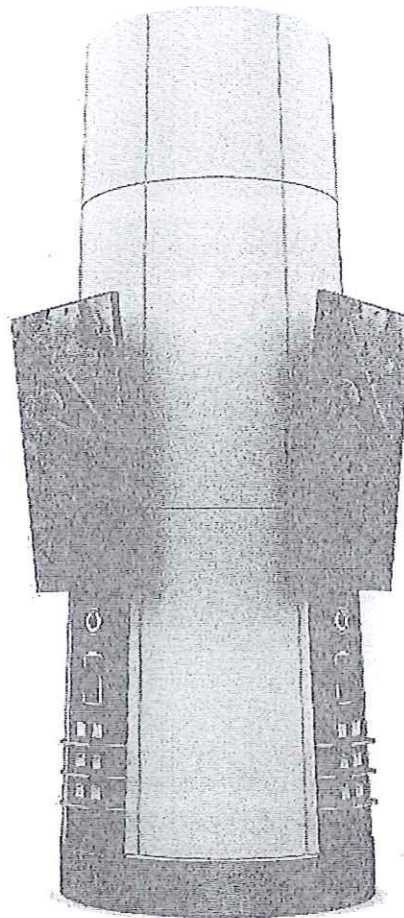


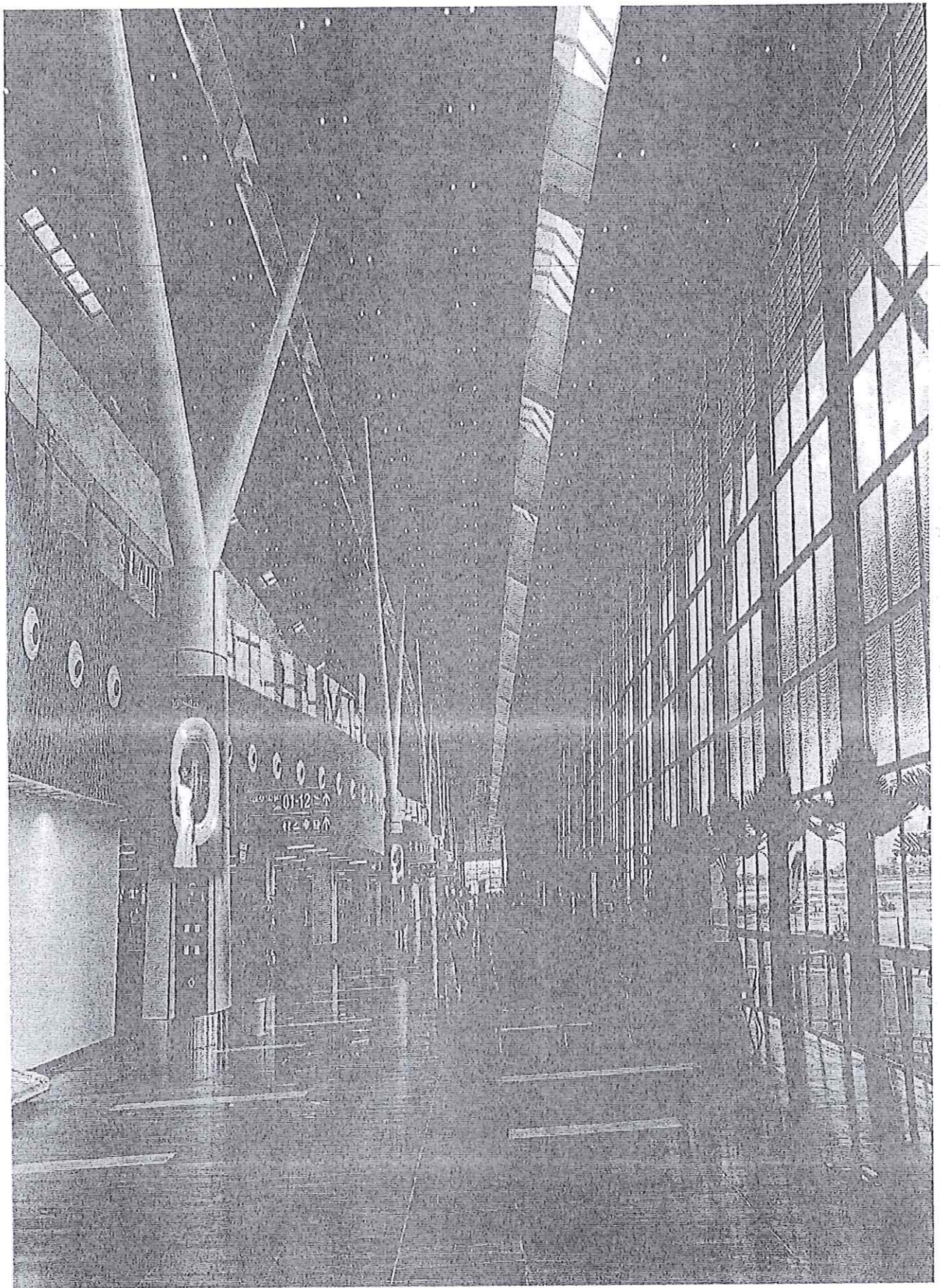
2. Khu vực cách ly ga đi tầng 3

a. Thông số kỹ thuật

- Loại hình: Cây sọc kèm màn hình LCD 86"
- Thông số kỹ thuật:
- Màn hình LCD 86" độ phân giải 4K UHD
- Độ sáng: 1000–1500 nits
- Cổng kết nối HDMI, USB, mạng LAN/Wi-Fi
- Tích hợp hệ điều hành Android hoặc Windows
- Công suất điện: 200W/Tivi/giờ
- Độ dày: 10cm
- Vật liệu: Tivi + giá đỡ, khung sọc bằng Agrilic
- Chiều cao ổ cắm sọc: 0,65m

b. Hình ảnh demo trụ sọc pin





3. Khu vực cách ly ga đến đầu băng chuyền số 1 đến số 10

a. Thông số kỹ thuật

- Loại hình: Cây sọc kèm màn hình LED
- Thông số kỹ thuật tương tự khu vực sảnh công cộng.
- Màn hình LED indoor, P2.5/P3.0
- Độ sáng: 1000-1500 nits
- Tần số quét: $\geq 3840\text{Hz}$
- Cổng sạc USB-A/C
- Công suất điện: 300W/m²/giờ
- Độ dày: 10cm
- Vật liệu: màn hình LED, khung sắt bọc alu, khung sọc bằng Agrilic
- Chiều cao ổ cắm sạc: 0,7m

b. Hình ảnh demo trụ sạc pin



